Ký bởi: Bộ Tài chính
Địa chỉ: 28 Trần Hưng Đạo - Hoàn Kiếm - Hà Nội
Thời gian ký: 28.03.2019 09:14

BỘ TÀI CHÍNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 16/2019/TT-BTC	*Hà Nội, ngày 18 tháng 3 năm 2019*

THÔNG TƯ

Hướng dẫn quản lý, sử dụng kinh phí được trích để thực hiện chế độ ưu tiên đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động của Kiểm toán nhà nước

Căn cứ Luật Kiểm toán nhà nước ngày 24 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 325/2016/UBTVQH14 ngày 29 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định chế độ đối với cán bộ, công chức của Kiểm toán nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ hướng dẫn Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 66/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định về chế độ ưu tiên đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động của Kiểm toán nhà nước;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tài chính Hành chính sự nghiệp;

Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn quản lý, sử dụng kinh phí được trích để thực hiện chế độ ưu tiên đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động của Kiểm toán nhà nước.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

Thông tư này hướng dẫn việc quản lý, sử dụng kinh phí được trích để thực hiện chế độ ưu tiên đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động của Kiểm toán nhà nước theo quy định tại Phụ lục 6 Nghị quyết số 325/2016/UBTVQH14 ngày 29 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định chế độ đối với cán bộ, công chức của Kiểm toán nhà nước và Nghị định số 66/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy

định về chế độ ưu tiên đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động của Kiểm toán nhà nước.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Kiểm toán nhà nước;

b) Các cơ quan, đơn vị được kiểm toán;

c) Các cơ quan đơn vị có liên quan.

Điều 2. Các khoản được trích

Kiểm toán nhà nước được trích 5% trên số tiền do Kiểm toán nhà nước phát hiện và kiến nghị đã được thực hiện theo Điều 3 Nghị định số 66/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định về chế độ ưu tiên đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động của Kiểm toán nhà nước , bao gồm:

1. Các khoản tăng thu ngân sách nhà nước về thuế, phí, lệ phí và các khoản thu khác đã thực nộp vào ngân sách nhà nước hoặc thực hiện qua phương thức bù trừ, gồm:

a) Các khoản đơn vị có nghĩa vụ kê khai, nộp ngân sách nhà nước nhưng không kê khai, kê khai sai, trốn thuế, gian lận thuế, hoặc do vi phạm các quy định khác về thu nộp ngân sách nhà nước dẫn đến xác định thiếu số thuế, phí, lệ phí, tiền sử dụng đất; tiền cho thuê đất, thuê mặt nước, tiền bán nhà thuộc sở hữu nhà nước, lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ theo quy định của doanh nghiệp 100% vốn nhà nước, cổ tức được chia cho phần vốn nhà nước tại các công ty cổ phần có vốn nhà nước hoặc giảm số thuế được hoàn; các khoản theo quy định phải nộp trả ngân sách nhà nước nhưng quá thời hạn nộp trả ngân sách nhà nước mà đơn vị giữ lại không nộp trả ngân sách nhà nước, Kiểm toán nhà nước phát hiện và kiến nghị đã được cơ quan có thẩm quyền xử lý thu hồi nộp ngân sách nhà nước, đơn vị đã thực nộp vào ngân sách nhà nước.

b) Các khoản truy thu thuế, các khoản xử phạt vi phạm hành chính về thuế, tiền chậm nộp cơ quan chức năng tính thiếu hoặc chưa tính theo quy định của pháp luật về thuế; Kiểm toán Nhà nước phát hiện và kiến nghị cơ quan quản lý thuế truy thu; đơn vị được kiểm toán, đối chiếu đã thực nộp vào ngân sách nhà nước;

c) Các khoản mà cơ quan chức năng phải ra thông báo cho người nộp thuế nộp ngân sách nhà nước theo quy định nhưng chưa ra thông báo và người nộp thuế chưa nộp ngân sách nhà nước được Kiểm toán nhà nước phát hiện và kiến nghị, người nộp thuế đã thực nộp vào ngân sách nhà nước;

d) Các khoản phát hiện và kiến nghị tăng thu ngân sách nhà nước được người nộp thuế thực hiện như: Điều chỉnh giảm số thuế giá trị gia tăng còn được khấu trừ thông qua việc điều chỉnh tờ khai thuế giá trị gia tăng; điều chỉnh giảm lỗ thông qua việc điều chỉnh tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp khi có phát sinh nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp; thực hiện kiến nghị tăng thu thông qua việc bù trừ với số thuế nộp thừa của sắc thuế tương ứng và các khoản bù trừ khác theo quy định của pháp luật;

đ) Các khoản nộp trả ngân sách nhà nước do các cơ quan, đơn vị đã thu của các đối tượng liên quan nhưng thu vượt mức hoặc không được phép thu theo quy định của pháp luật. Lãi phát sinh từ các khoản có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước phải nộp ngân sách nhà nước được Kiểm toán nhà nước phát hiện và kiến nghị; đơn vị đã thực nộp vào ngân sách nhà nước.

e) Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác định thiếu số phải nộp ngân sách nhà nước được Kiểm toán nhà nước phát hiện và kiến nghị, các đơn vị đã thực nộp vào ngân sách nhà nước.

2. Các khoản đã thực chi ngân sách sai chế độ đã nộp lại ngân sách nhà nước (đối với các khoản chi đã quyết toán), bao gồm:

a) Sai đơn giá, khối lượng, định mức và sai khác đối với các công trình, dự án đầu tư xây dựng;

b) Sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước để chi cho những nội dung không thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách nhà nước, không đúng nhiệm vụ được giao hoặc chi sai chế độ, tiêu chuẩn, định mức;

c) Sử dụng các quỹ ngoài ngân sách chi cho những nội dung không đúng đối tượng của các quỹ hoặc chi sai thẩm quyền, chế độ, tiêu chuẩn, định mức.

3. Các khoản đã chi ngân sách sai chế độ tại điểm a, điểm b, khoản 2 Điều này được Kiểm toán nhà nước phát hiện và kiến nghị giảm thanh toán (đối với các khoản quy định tại điểm a, khoản 2, Điều này); giảm thanh toán, giảm trừ dự toán ngân sách kỳ sau, năm sau (đối với các khoản quy định tại điểm b, khoản 2 Điều này) và đã được cơ quan có thẩm quyền xử lý giảm chi ngân sách nhà nước theo kiến nghị của Kiểm toán nhà nước.

4. Các khoản kinh phí bố trí dự toán vượt định mức phân bổ, sai nguồn do Kiểm toán nhà nước phát hiện và kiến nghị đã được cơ quan có thẩm quyền xử lý thu hồi nộp ngân sách nhà nước, giảm thanh toán, hủy dự toán (giảm chi ngân sách nhà nước) gồm:

a) Các khoản kinh phí bố trí dự toán vượt quy định; các khoản kinh phí ngân sách cấp trên bố trí dự toán cao hơn hoặc cấp thừa so với số địa phương, Bộ, ngành, đơn vị cấp dưới được hưởng do nguyên nhân địa phương, bộ, ngành, đơn vị cấp dưới báo cáo sai số liệu (sai nguồn, sai nhu cầu, sai khác); nguồn cải cách tiền lương đơn vị hoặc cấp có thẩm quyền xác định chưa đầy đủ hoặc xác định sai nhu cầu (đối với các địa phương, đơn vị được ngân sách cấp bù nguồn cải cách tiền lương), Kiểm toán nhà nước phát hiện và kiến nghị đã được cơ quan có thẩm quyền xử lý thu hồi nộp ngân sách nhà nước, giảm thanh toán, hủy dự toán (giảm chi ngân sách nhà nước);

b) Các khoản kinh phí bố trí dự toán, cấp phát sai nguồn, không thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách nhà nước, không đúng nhiệm vụ được giao (đã quyết toán hoặc chưa quyết toán), Kiểm toán nhà nước phát hiện và kiến nghị, đơn vị đã thực nộp vào ngân sách nhà nước hoặc đã được cơ quan có thẩm quyền xử lý giảm trừ dự toán, bố trí hoàn trả nguồn; các khoản kiến nghị giảm giá trị hợp đồng còn lại đối với các dự án trong kiểm toán đầu tư xây dựng cơ bản.

5. Số kinh phí được trích không bao gồm số thoái trả theo kết luận của cơ quan có thẩm quyền đối với kiến nghị của Kiểm toán nhà nước.

Điều 3. Sử dụng kinh phí được trích để thực hiện chế độ ưu tiên đối với Kiểm toán nhà nước

Kiểm toán nhà nước sử dụng số kinh phí được trích để chi cho các nội dung sau:

1. Chi khuyến khích, thưởng cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động của Kiểm toán nhà nước (ngoài khoản chi khen thưởng hàng năm theo quy định của Luật Thi đua, Khen thưởng) không vượt quá 0,8 lần mức lương do Nhà nước quy định, gồm:

a) Lương ngạch bậc, chức vụ.

b) Các khoản phụ cấp:

- Phụ cấp chức vụ;

- Phụ cấp vượt khung;

- Phụ cấp ưu đãi theo nghề quy định tại phụ lục 4 ban hành kèm theo Nghị quyết số 325/2016/NQ-UBTVQH ngày 29 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định chế độ đối với cán bộ, công chức của Kiểm toán nhà nước.

2. Số kinh phí còn lại sau khi khuyến khích, thưởng cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động của Kiểm toán nhà nước được sử dụng để đầu tư cơ sở vật chất và tăng cường năng lực hoạt động của ngành, gồm:

a) Chi tăng cường đầu tư xây dựng trụ sở làm việc của Kiểm toán Nhà nước trong trường hợp cần thiết đẩy nhanh tiến độ xây dựng cơ sở vật chất và hiện đại hóa trong khi nguồn kinh phí theo quy định của Luật Đầu tư công chưa đáp ứng được; chi sửa chữa, bảo trì, cải tạo, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất; chi mua sắm, sửa chữa, bảo dưỡng, bảo trì tài sản, máy móc, trang thiết bị, phương tiện làm việc, phương tiện đi lại phục vụ công tác kiểm toán; hỗ trợ chi phí vận hành trụ sở cơ quan Kiểm toán nhà nước;

b) Bổ sung chi đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn, hội nghị, hội thảo nâng cao nghiệp vụ, tổ chức các đoàn đi học tập kinh nghiệm trong và ngoài nước của kiểm toán viên, cán bộ, công chức và người lao động thuộc Kiểm toán nhà nước chi nghiên cứu khoa học; chi công nghệ thông tin, chi thực hiện chính sách thu hút nhân tài; chi công tác phí cho hoạt động kiểm toán; tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về kiểm toán; nâng cao năng lực hoạt động của ngành;

c) Bổ sung chi các hoạt động nghiệp vụ phục vụ cho công tác kiểm toán; chi trả tiền dịch vụ cung cấp thông tin phục vụ hoạt động kiểm toán;

d) Chi giải quyết khiếu nại, tố cáo trong thực hiện kết luận của Kiểm toán nhà nước;

đ) Chi động viên, khuyến khích các tập thể và cá nhân đã tích cực phối hợp trong công tác thực hiện kết luận và kiến nghị của Kiểm toán nhà nước; phối hợp trong công tác thực hiện nhiệm vụ hoạt động của ngành;

e) Cơ quan Kiểm toán nhà nước chủ động sử dụng số kinh phí được trích để chi theo các nội dung chi quy định tại Thông tư này. Mức chi các nội dung nêu trên do Tổng Kiểm toán nhà nước xem xét, quyết định bảo đảm phù hợp với thực tế hoạt động, khả năng nguồn kinh phí, chịu trách nhiệm về quyết định của mình và phải được quy định trong Quy chế chi tiêu nội bộ hoặc Quy chế quản lý, sử dụng khoản kinh phí được trích.

Điều 4. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị

1. Kiểm toán nhà nước và các Đoàn Kiểm toán nhà nước:

a) Khi tổng hợp kết quả kiểm toán, các Đoàn Kiểm toán nhà nước lập bảng tổng hợp các kiến nghị, chi tiết theo mã số thuế (nếu có), tên, địa chỉ đơn vị và các nội dung tương ứng quy định tại khoản 1 Phụ lục 6 Nghị quyết số

325/2016/UBTVQH14 ngày 29 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và được quy định cụ thể tại Điều 2 Thông tư này, gửi Kho bạc nhà nước, đồng gửi cơ quan quản lý thuế (đối với kiến nghị tăng thu thuế và các khoản thu khác do cơ quan thuế quản lý);

b) Trong kết luận kiểm toán, các Đoàn Kiểm toán nhà nước cần yêu cầu hướng dẫn, yêu cầu các đơn vị ghi rõ nội dung, số tiền trên chứng từ thực hiện kiến nghị kiểm toán. Nội dung ghi chép thực hiện theo hướng dẫn tại Phụ lục số 03 kèm theo Thông tư này;

c) Hàng năm, trên cơ sở báo cáo của các đơn vị được kiểm toán, đối chiếu (kèm theo chứng từ hoặc văn bản xác nhận của các cơ quan có liên quan) và báo cáo kết quả kiểm tra tình hình thực hiện kiến nghị kiểm toán của Kiểm toán nhà nước, Kiểm toán nhà nước lập Bảng tổng hợp kết quả thực hiện kiến nghị kiểm toán năm (*phụ lục 01 ban hành kèm theo Thông tư này)* trên phạm vi toàn quốc gửi Kho bạc nhà nước (*cả văn bản và tệp file dữ liệu*) để đối chiếu và xác nhận;

d) Đối với các khoản thu hồi nộp ngân sách nhà nước quy định tại khoản 1, 2 Điều 2 Thông tư này thì kiến nghị của Kiểm toán nhà nước đối với khoản kinh phí thuộc ngân sách cấp nào Kiểm toán nhà nước kiến nghị nộp trả ngân sách cấp đó.

2. Đối với đơn vị được kiểm toán, đối chiếu và các đơn vị có liên quan đến việc xác nhận kiến nghị kiểm toán:

a) Khi thực hiện kiến nghị của Kiểm toán nhà nước, thực hiện đúng theo yêu cầu của Kiểm toán nhà nước trong kết luận kiểm toán được quy định tại điểm b, khoản 1 Điều này. Đối với trường hợp đơn vị nộp tiền vào ngân sách nhà nước trước khi có công văn của Kiểm toán nhà nước gửi đơn vị thì trên chứng từ ghi cụ thể:*"nộp ngân sách nhà nước theo kiến nghị của Kiểm toán nhà nước tại báo cáo quyết toán niên độ..."*. Chứng từ thực hiện kiến nghị của Kiểm toán nhà nước theo hướng dẫn tại phụ lục 03 đính kèm Thông tư này;

b) Ngoài trách nhiệm báo cáo tình hình thực hiện kiến nghị kiểm toán theo yêu cầu của Kiểm toán nhà nước, hàng năm khi lập báo cáo quyết toán năm, các đơn vị được kiểm toán căn cứ chứng từ thực hiện kiến nghị kiểm toán hoặc xác nhận của các cơ quan liên quan lập báo cáo về số tiền đã thực hiện kiến nghị kiểm toán trong năm gửi về đơn vị quản lý cấp trên, đơn vị quản lý cấp trên tổng hợp báo cáo tình hình thực hiện kiến nghị kiểm toán (chi tiết đến từng chứng từ, nội dung thực hiện) gửi Kiểm toán nhà nước và Bộ Tài chính.

3. Cơ quan tài chính, thuế, hải quan ở địa phương: Xác nhận chứng từ thực hiện kiến nghị của Kiểm toán nhà nước đối với các kiến nghị đã được thực hiện theo đề nghị của đơn vị kiểm toán; Cụ thể:

a) Cơ quan thuế, hải quan thực hiện xác nhận *(phụ lục 02b ban hành kèm theo Thông tư này)*:

- Các khoản đơn vị đã nộp ngân sách nhà nước nhưng chưa ghi đầy đủ thông tin *"nộp ngân sách nhà nước theo kiến nghị của Kiểm toán nhà nước"*.

- Cơ quan thuế xác nhận đơn vị điều chỉnh các khoản giảm lỗ do kiểm tra, đối chiếu thuế phát hiện.

- Các khoản tăng thu do cơ quan Thuế, Hải quan thực hiện theo phương thức bù trừ thuế đối với các nội dung tại điểm d, khoản 1, Điều 2 Thông tư này (giữa số đã nộp với số thuế đơn vị phải nộp theo kiến nghị của Kiểm toán nhà nước).

b) Cơ quan Tài chính thực hiện xác nhận *(phụ lục 02c ban hành kèm theo Thông tư này)*: Các khoản tăng thu, giảm trừ thanh toán, giảm trừ quyết toán, giảm trừ dự toán, xác nhận các khoản thu hồi nộp ngân sách nhà nước.

4. Đối với cơ quan có thẩm quyền giao dự toán, bố trí nguồn, phê duyệt quyết toán (quyết toán ngân sách theo niên độ, quyết toán dự án hoàn thành...):

a) Khi giao dự toán hoặc giao kế hoạch vốn đầu tư có giảm trừ dự toán, bố trí hoàn trả nguồn theo kiến nghị của Kiểm toán nhà nước thì ghi cụ thể nội dung, số kinh phí giảm trừ, hoàn trả nguồn theo kiến nghị của Kiểm toán nhà nước như nội dung ghi trên chứng từ thực hiện kiến nghị (*Phụ lục 03 ban hành kèm theo Thông tư này)*;

b) Khi phê duyệt quyết toán ngân sách theo niên độ hoặc phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành có giảm trừ quyết toán theo kiến nghị của Kiểm toán nhà nước phải ghi cụ thể nội dung, số kinh phí giảm trừ trên văn bản phê duyệt quyết toán;

c) Khi xử lý bố trí nguồn để hoàn trả các nguồn kinh phí đã sử dụng sai đối tượng, mục đích, sai nhiệm vụ chi theo kiến nghị của Kiểm toán nhà nước thì cơ quan có thẩm quyền giao dự toán, xử lý nguồn ghi rõ trên văn bản giao dự toán, bổ sung (bố trí) nguồn để hoàn trả;

d) Xác nhận chứng từ thực hiện kiến nghị của Kiểm toán nhà nước theo đề nghị của đơn vị được kiểm toán đối với các khoản tăng thu, giảm trừ thanh toán, giảm trừ quyết toán, giảm trừ dự toán, xác nhận các khoản thu hồi nộp ngân sách nhà nước đã được thực hiện nhưng trên chứng từ không ghi rõ nội

dung"thực hiện theo kiến nghị của Kiểm toán nhà nước"*(Phụ lục 02c ban hành kèm theo Thông tư này).*

5. Đối với Kho bạc nhà nước các cấp:

a) Kho bạc nhà nước địa phương (nơi đơn vị được kiểm toán thực hiện kiến nghị của Kiểm toán nhà nước):

- Căn cứ vào nội dung ghi trên chứng từ của đơn vị được kiểm toán để ghi chép phục vụ công tác đối chiếu, xác nhận kết quả thực hiện kiến nghị của Kiểm toán nhà nước;

- Xác nhận chứng từ thực hiện kiến nghị của Kiểm toán nhà nước đối với các kiến nghị được thực hiện qua Kho bạc nhà nước (nộp ngân sách nhà nước, giảm thanh toán ...) *(Phụ lục 02a ban hành kèm theo Thông tư này).*

b) Kho bạc nhà nước: Hàng năm, căn cứ vào Bảng tổng hợp kết quả thực hiện kiến nghị kiểm toán năm, trên cơ sở chứng từ thực hiện của đơn vị được kiểm toán, đối chiếu và xác nhận của các cơ quan, đơn vị có liên quan do Kiểm toán nhà nước cung cấp *(phụ lục 01 ban hành kèm theo Thông tư này)*, Kho bạc nhà nước đối chiếu, xác nhận, gửi Kiểm toán nhà nước.

Điều 5. Lập dự toán, quản lý và quyết toán kinh phí được trích

1. Hàng năm, vào thời điểm xây dựng dự toán thu, chi ngân sách nhà nước; Kiểm toán nhà nước căn cứ vào tình hình thực hiện số tiền do cơ quan Kiểm toán nhà nước phát hiện và kiến nghị đến thời điểm lập dự toán để dự kiến kinh phí được trích 5% của năm kế hoạch; xây dựng dự toán chi đối với phần kinh phí được trích của năm kế hoạch; tổng hợp chung trong dự toán thu, chi ngân sách của cơ quan, đơn vị, gửi Bộ Tài chính để tổng hợp chung vào dự toán ngân sách nhà nước trình cấp có thẩm quyền quyết định.

2. Dự toán chi kinh phí được trích từ nguồn kinh phí 5% được ghi chú riêng trong dự toán thu, chi ngân sách hàng năm của Kiểm toán nhà nước.

3. Xử lý chênh lệch giữa số kinh phí được trích và số đã bố trí dự toán: Căn cứ vào báo cáo kết quả thực hiện kiến nghị của Kiểm toán nhà nước đã được xác nhận, Bộ Tài chính sẽ xem xét giải quyết chênh lệch giữa số được trích trên số phát hiện và kiến nghị đã được xác nhận cao hơn hoặc thấp hơn số đã bố trí trong dự toán chi của Kiểm toán nhà nước như sau:

- Trường hợp số tiền được trích trên số phát hiện và kiến nghị đã được xác nhận cao hơn số đã bố trí trong dự toán năm thì số thiếu sẽ được bố trí vào dự toán của năm sau năm thực hiện xác nhận (ví dụ năm 2018 thực hiện xác

nhận cho số phát hiện và kiến nghị của năm 2015 và các năm trước năm 2015 thì số bố trí thiếu so với dự toán năm 2015 sẽ được bố trí trong dự toán của năm 2019). Trong trường hợp cần thiết Kiểm toán nhà nước có văn bản đề nghị bổ sung kinh phí được trích và lập dự toán chi tiết kèm theo văn bản xác nhận chứng từ thực hiện kiến nghị của Kiểm toán nhà nước để trình cấp có thẩm quyền bổ sung số kinh phí được trích theo quy định.

- Trường hợp số tiền được trích trên số phát hiện và kiến nghị đã được xác nhận thấp hơn số đã bố trí trong dự toán năm thì số chênh lệch thừa sẽ được trừ vào số phải bố trí của năm sau năm thực hiện xác nhận.

4. Việc quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí nguồn kinh phí 5% thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản pháp luật hiện hành.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 5 năm 2019 và áp dụng từ năm ngân sách 2017.

2. Thông tư số 165/2015/TT-BTC ngày 05 tháng 11 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, cấp phát trang phục và chế độ ưu tiên đối với Kiểm toán nhà nước; trích lập và sử dụng nguồn kinh phí được trích 5% trên số tiền đã nộp vào ngân sách nhà nước do Kiểm toán nhà nước phát hiện và kiến nghị hết hiệu lực kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

3. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị phản ánh về Bộ Tài chính để nghiên cứu xử lý theo thẩm quyền./.

Nơi nhận:
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng TW Đảng và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Quốc Hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Viện kiểm sát ND tối cao. Toà án ND tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- UBND, Sở Tài chính, Kho bạc nhà nước, Cục Thuế, Cục Hải quan các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Cục kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp.
- Công báo,Cổng TTĐT Chính phủ.
- Cổng TTĐT Bộ Tài chính;
- Các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ TC;
- Lưu: VT, Vụ HCSN. (420b)

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Trần Văn Hiếu

BÁO CÁO TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN KIẾN NGHỊ KIỂM TOÁN NĂM...

(Ban hành kèm theo Thông tư số 16/2019/TT-BTC ngày 18 tháng 3 năm 2019 của Bộ Tài chính)

Đơn vị tính: ...

TT	Chứng từ		Tên đơn vị thực hiện kiến nghị kiểm toán	Tên kho bạc tỉnh, huyện nơi đơn vị giao dịch	Nội dung	Mã số thuế của đơn vị thực hiện kiến nghị kiểm toán	Tổng số tiền	Tăng thu về thuế, phí, lệ phí, thu khác về thuế	Các khoản tăng thu thực hiện thông qua phương thức bù trừ và các phương thức khác	Thu hồi kinh phí phải nộp NSNN	Các khoản thu NSNN khác	Các khoản chi sai nộp NSNN			Giảm trừ thanh toán, dự toán năm sau			Ghi chú
	Số chứng từ	Ngày, tháng, năm lập chứng từ										Cộng	Thường xuyên	Đầu tư	Cộng	Thường xuyên	Đầu tư	
A	*B*	*C*	*D*	*E*	*G*	*F*	*1=2+3+4 +5+6+7*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6=6.1 +6.2*	*6.1*	*6.2*	*7=7.1+ 7.2*	*7.1*	*7.2*	*8*
A			***Tổng Công ty***															
1			Tổng Công ty A	Hải Phòng														
2			Công ty A1	Kiến An - Hải Phòng														
3			Công ty A2	Tiên Lãng - Hải Phòng														
4			Công ty A3	Thái Bình														
			...															
			Tổng Công ty B	Hà Nội														
			....	..														
B			***Các Bộ, ban ngành TW***															
1			Bộ Tư pháp	Hà Nội														
2			Thi hành án Nam Định	Nam Định														
3			Đội Thi hành án	Ý Yên-Nam Định														
			...	.														
C			***Các tỉnh, thành phố***															
1				Thái Bình														
1,1			Sở Công Thương	Thái Bình														
1,2			Phòng Tài chính	Vũ Thư - Thái Bình														
.			...	...														
2				Đà Nẵng														
2,1			Sở NN&PTNT	Đà Nẵng														
2,2	.....		Phòng Nội Vụ	Sơn Trà - Đà Nẵng														
.			...	...														

TT	Chứng từ		Tên đơn vị thực hiện kiến nghị kiểm toán	Tên kho bạc tỉnh, huyện nơi đơn vị giao dịch	Nội dung	Mã số thuế của đơn vị thực hiện kiến nghị kiểm toán	Tổng số tiền	Tăng thu về thuế, phí, lệ phí, thu khác về thuế	Các khoản tăng thu thực hiện thông qua phương thức bù trừ và các phương thức khác	Thu hồi kinh phí phải nộp NSNN	Các khoản thu NSNN khác	Các khoản chi sai nộp NSNN			Giảm trừ thanh toán, dự toán năm sau			Ghi chú
	Số chứng từ	Ngày, tháng, năm lập chứng từ										Cộng	Thường xuyên	Đầu tư	Cộng	Thường xuyên	Đầu tư	
A	*B*	*C*	*D*	*E*	*G*	*F*	*1=2+3+4 +5+6+7*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6=6.1 +6.2*	*6.1*	*6 2*	*7=7.1+ 7.2*	*7.1*	*7.2*	*8*
Tổng cộng																		

....., ngày .....tháng ....năm ....

KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC

ĐƠN VỊ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

PHỤ LỤC 02a

XÁC NHẬN KẾT QUẢ THỰC HIỆN KIẾN NGHỊ KIỂM TOÁN NĂM...

(Ban hành kèm theo Thông tư số 16/2019/TT-BTC ngày 18 tháng 2 năm 2019 của Bộ Tài chính)

Đơn vị tính: ...

TT	Chứng từ		Tên đơn vị thực hiện kiến nghị kiểm toán	Tên kho bạc tỉnh, huyện nơi đơn vị giao dịch	Nội dung	Mã số thuế của đơn vị thực hiện kiến nghị kiểm toán	Tổng số tiền	Tăng thu về thuế, phí, lệ phí, thu khác về thuế	Thu hồi kinh phí phải nộp NSNN	Các khoản thu NSNN khác	Các khoản chi sai nộp NSNN			Các khoản giảm thanh toán			Ghi chú
	Số chứng từ	Ngày, tháng, năm lập chứng từ									Cộng	Thường xuyên	Đầu tư	Cộng	Thường xuyên	Đầu tư	
A	*B*	*C*	*D*	*E*	*G*	*F*	*1=2+3+4+5+6*	*2*	*3*	*4*	*5=5.1+5.2*	*5.1*	*5.2*	*6=6.1+6.2*	*6.1*	*6.2*	*7*
Tổng cộng																	

..., ngày....tháng....năm 20...
XÁC NHẬN CỦA KBNN

..., ngày .. tháng ... năm 20...
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

ĐƠN VỊ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

PHỤ LỤC 02b

XÁC NHẬN KẾT QUẢ THỰC HIỆN KIẾN NGHỊ KIỂM TOÁN NĂM...

(Ban hành kèm theo Thông tư số 16/2019/TT-BTC ngày 18 tháng 3 năm 2019 của Bộ Tài chính)

Đơn vị tính: ...

TT	Chứng từ		Tên đơn vị thực hiện kiến nghị kiểm toán	Tên Kho bạc tỉnh, huyện nơi đơn vị giao dịch	Nội dung	Tổng số tiền	Tăng thu về thuế, phí, lệ phí, thu khác về thuế	Các khoản thu thông qua phương thức bù trừ hoặc các phương thức khác	Ghi chú
	Số Chứng từ	Ngày, tháng, năm lập chứng từ							
A	*B*	*C*	*D*	*E*	*G*	*1=2+3*	*2*	*3*	*4*
Tổng cộng									

..., ngày....tháng ..năm 20...

XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN THUẾ (HẢI QUAN)

..., ngày ... tháng ... năm 20...

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

ĐƠN VỊ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

PHỤ LỤC 02c

XÁC NHẬN KẾT QUẢ THỰC HIỆN KIẾN NGHỊ KIỂM TOÁN NĂM...

(Ban hành kèm theo Thông tư số 16/2019/TT-BTC ngày 18 tháng 3 năm 2019 của Bộ Tài chính)

Đơn vị tính: ...

TT	Chứng từ			Tên đơn vị thực hiện kiến nghị kiểm toán	Nội dung	Tổng tiền	Các khoản nộp ngân sách nhà nước (các khoản thu khác do cơ quan tài chính quản lý)			Giảm trừ thanh toán, quyết toán, dự toán năm sau; bố trí hoàn trả nguồn			Ghi chú
	Số Chứng từ	Ngày, tháng, năm lập chứng từ	Tên Kho bạc tỉnh, huyện nơi đơn vị giao dịch				Cộng	Thường xuyên	Đầu tư	Cộng	Thường xuyên	Đầu tư	
A	*B*	*C*	*D*	*E*	*G*	*1=2+5*	*2=3+4*	*3*	*4*	*5=6+7*	*6*	*7*	*8*
Tổng cộng													

..., ngày....tháng....năm 20...

XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN TÀI CHÍNH

(hoặc cơ quan có thẩm quyền giao dự toán, phê duyệt quyết toán)

..., ngày ... tháng ... năm 20...

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

PHỤ LỤC 03

HƯỚNG DẪN CHỨNG TỪ THỰC HIỆN KIẾN NGHỊ CỦA KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC

(Ban hành kèm theo Thông tư số 16/2019/TT-BTC ngày 18 tháng 3 năm 2019 của Bộ Tài chính)

Chứng từ thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước cụ thể như sau:

1. Đối với kiến nghị tăng thu về thuế, phí, lệ phí, thu khác, các khoản chi sai,... nộp tại KBNN:

a) Chứng từ thực hiện theo các mẫu biểu chứng từ được ban hành theo Thông tư số 77/2017/TT-BTC ngày 28/7/2017, Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25/8/2014 của Bộ Tài chính:

- Giấy nộp tiền vào NSNN (mẫu C1-02/NS, C1-03/NS).

- Ủy nhiệm chi (mẫu C4-02/NS), Giấy rút dự toán (mẫu C2-02a/NS, C2-02b/NS), Giấy rút vốn đầu tư (mẫu C3-01/NS).

- Giấy nộp trả kinh phí (mẫu C2-05a/NS, C2-05b/NS, C2-05c/NS và C3-04/NS).

- Lệnh chuyển có, Ủy nhiệm chi của Ngân hàng (chứng từ giấy khi tham gia thanh toán thủ công hoặc phục hồi đối với các đơn vị tham gia thanh toán điện tử).

b) Các chứng từ khác thực hiện theo Thông tư số 77/2017/TT-BTC ngày 28/7/2017.

- Đối với kiến nghị tăng thu về thuế, phí, thu khác và các khoản chi sai,... nộp tại kho bạc nhà nước: Các chứng từ nộp tiền vào kho bạc nhà nước nơi đơn vị được kiểm toán giao dịch (giấy nộp tiền, ủy nhiệm chi, giấy nộp trả kinh phí, lệnh chuyển có,...), ngoài việc ghi rõ nội dung kiến nghị, số tiền cụ thể theo quy định, còn phải ghi rõ "Nộp NSNN thực hiện theo kiến nghị của KTNN niên độ ngân sách ... tại Báo cáo kiểm toán phát hành theo Công văn số ..../KTNN-TH ngày ... tháng... năm .... tại.... và theo Công văn số .... ngày .../... /... của Kiểm toán nhà nước/KV... gửi kho bạc nhà nước (Trung ương/ tỉnh hoặc thành phố)" đồng thời đánh dấu vào ô KTNN trên giấy nộp tiền vào NSNN.

- Đối với trường hợp kiến nghị cơ quan thuế xử phạt, truy thu thuế đối với các đơn vị: Quyết định xử phạt, truy thu của cơ quan quản lý thuế ghi rõ nội dung "xử phạt, truy thu theo kiến nghị của KTNN niên độ ngân sách năm tại Báo cáo kiểm toán phát hành theo Công văn số ..../KTNN-TH ngày ... tháng... năm .... tại.... và theo Công văn số .... ngày .../... /... của Kiểm toán nhà nước/KV... gửi kho bạc nhà nước (Trung ương/ tỉnh hoặc thành phố)".

Trường hợp vì lý do nào đó chứng từ không ghi cụ thể theo kiến nghị của cơ quan kiểm toán nêu trên, thì lập bảng kê chứng từ thực hiện kiến nghị KTNN,

đề nghị KBNN nơi giao dịch xác nhận hoặc đề nghị cơ quan quản lý Thuế trực tiếp quản lý xác nhận.

2. Đối với kiến nghị giảm thanh toán vốn đầu tư XDCB; ***chi sửa chữa, bảo trì, cải tạo, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất từ nguồn kinh phí chi thường xuyên*** *(đối với các công trình phải lập báo cáo quyết toán dự án hoàn thành theo quy định):*

Chứng từ thực hiện:

- Quyết định phê duyệt quyết toán Dự án hoàn thành của cấp có thẩm quyền.

- Trong trường hợp dự án chưa được phê duyệt quyết toán:

+ Hồ sơ thanh toán (Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành theo giai đoạn, phiếu giá).

+ Biên bản xác nhận công nợ giữa chủ đầu tư (bên giao thầu) và bên nhận thầu;

+ Quyết định điều chỉnh dự toán hoặc điều chỉnh giá trị trúng thầu do giảm trừ theo kiến nghị của KTNN (ghi rõ số tiền, lý do giảm trừ theo kiến nghị của KTNN).

+ Hợp đồng điều chỉnh (hoặc Phụ lục của hợp đồng) giữa chủ đầu tư (bên giao thầu) và bên nhận thầu về giảm trừ giá trị thanh toán, giá trị hợp đồng còn lại chưa nghiệm thu theo kiến nghị của KTNN.

Các chứng từ (Quyết định phê duyệt quyết toán; Hồ sơ thanh toán; Biên bản xác nhận công nợ; Quyết định điều chỉnh dự toán; Hợp đồng điều chỉnh;...) phải ghi rõ: "Giảm thanh toán, giảm giá trị hợp đồng còn lại số tiền ..... (số tiền cụ thể) theo kiến nghị của KTNN niên độ ngân sách ..... tại Báo cáo kiểm toán phát hành theo Công văn số ..../KTNN-TH ngày ... tháng... năm .... tại.... và Công văn số... gửi KBNN tỉnh, thành...". Trường hợp vì lý do nào đó, chứng từ không ghi rõ nội dung, đơn vị được kiểm toán có trách nhiệm đề nghị cơ quan có thẩm quyền phê duyệt quyết toán xác nhận (trường hợp Dự án đã quyết toán dự án hoàn thành) hoặc văn bản giải trình có xác nhận của chủ đầu tư và bên nhận thầu (trường hợp dự án chưa quyết toán).

3. Đối với kiến nghị giảm dự toán chi thường xuyên:

Chứng từ thực hiện:

- Quyết định giảm dự toán của UBND các cấp (trường hợp giảm dự toán trong năm phải kèm theo phiếu điều chỉnh dự toán của cơ quan tài chính hoặc KBNN (đối với NS xã) (mẫu C6-04/NS theo Thông tư 77/2017/TT-BTC);

- Quyết định giao dự toán của các cấp có thẩm quyền; kèm phụ lục chứng minh việc giảm trừ dự toán do KTNN kiến nghị.

- Công văn của cơ quan tài chính được ủy quyền thông báo dự toán (trường hợp thu hồi dự toán trong năm phải kèm theo phiếu điều chỉnh dự toán của cơ quan tài chính, mẫu C6-04/NS theo Thông tư 77/2017/TT-BTC);

Các quyết định (giao dự toán, giảm dự toán,...) phải ghi rõ "Giảm dự toán số tiền ..... (số tiền cụ thể) theo kiến nghị của KTNN niên độ ngân sách ..... tại Báo cáo kiểm toán phát hành theo Công văn số ..../KTNN-TH ngày ... tháng... năm .... tại.... và Công văn số... gửi KBNN tỉnh, thành...". Trường hợp vì lý do nào đó, chứng từ không ghi rõ nội dung, đơn vị được kiểm toán có trách nhiệm đề nghị cơ quan ban hành quyết định trên xác nhận nội dung và số tiền thực hiện kiến nghị của KTNN.

4. Đối với kiến nghị về thuế thông qua phương thức bù trừ hoặc các phương thức khác:

Chứng từ thực hiện:

- Đối với kiến nghị thông qua phương thức bù trừ: Văn bản xác nhận của cơ quan thuế hoặc tờ khai thuế của người nộp thuế ghi rõ "nội dung và số tiền bù trừ theo kiến nghị của KTNN". Trường hợp số tiền được bù trừ nhỏ hơn số kiến nghị của KTNN thì phải kèm theo chứng từ nộp NSNN số tiền còn lại.

- Đối với kiến nghị giảm thuế GTGT còn được khấu trừ: Tờ khai thuế GTGT thuyết minh rõ "nội dung số thuế GTGT còn được khấu trừ theo kiến nghị của KTNN";

- Đối với kiến nghị giảm lỗ: Tờ khai thuế TNDN thuyết minh rõ "số thuế TNDN tăng thêm do thực hiện giảm lỗ theo kiến nghị của KTNN";

Đồng thời các chứng từ trên ghi rõ "niên độ ngân sách ... tại Báo cáo kiểm toán phát hành theo Công văn số ..../KTNN-TH ngày ... tháng... năm .... tại.... và theo Công văn số .... ngày .../... /... của Kiểm toán nhà nước... gửi kho bạc nhà nước".

5. Đối với kiến nghị bố trí nguồn để hoàn trả các nguồn kinh phí đã sử dụng sai đối tượng, mục đích, sai nhiệm vụ chi

Chứng từ thực hiện:

- Quyết định bổ sung dự toán nguồn đã sử dụng sai hoặc quyết định điều chỉnh nguồn, bố trí hoàn trả nguồn đã sử dụng sai của cấp có thẩm quyền.

- Hoặc Quyết định giao dự toán, giảm dự toán của các cấp có thẩm quyền; kèm phụ lục chứng minh việc giảm trừ dự toán là để thực hiện kiến nghị bố trí hoàn trả nguồn do KTNN kiến nghị (trường hợp giảm dự toán trong năm phải kèm theo phiếu điều chỉnh dự toán của cơ quan tài chính hoặc KBNN (đối với NS xã)).

- Trường hợp các đơn vị dự toán, sự nghiệp thực hiện kiến nghị bố trí nguồn để hoàn trả các nguồn kinh phí đã sử dụng sai đối tượng, mục đích, sai nhiệm vụ chi theo kiến nghị của Kiểm toán nhà nước thì thủ trưởng các đơn vị

ghi rõ trên văn bản bổ sung nguồn để hoàn trả hoặc thể hiện rõ nội dung trên báo cáo quyết toán tương ứng với thời điểm thực hiện kiến nghị.

- Các văn bản trên phải ghi rõ: Hoàn trả nguồn hoặc giảm dự toán để thực hiện kiến nghị hoàn trả nguồn (số tiền cụ thể) theo kiến nghị của KTNN niên độ ngân sách ..... tại Báo cáo kiểm toán phát hành theo Công văn số ..../KTNN-TH ngày ... tháng... năm .... tại....". Trường hợp vì lý do nào đó các văn bản trên không ghi rõ nội dung, đơn vị được kiểm toán có trách nhiệm đề nghị cơ quan ban hành các văn bản trên xác nhận nội dung và số tiền thực hiện kiến nghị của KTNN./.